

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 270/2024/DS-PT
Ngày: 15 tháng 11 năm 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa **phiên tòa**: ông Lại Hiệp Phong.

Các Thẩm phán: ông Cao Minh Lễ và bà Trần Thị Thuý **Hà**.

- **Thư ký phiên tòa**: bà Nguyễn Dương Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 299/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 318/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc P: Ông Châu Tuấn K, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 17/4/2024 được Văn phòng C chứng nhận) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị P1, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp D, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cho rằng, do có mối quan hệ quen biết với bà Bùi Thị P1, nên vào ngày 23/01/2024 bà P có cho bà P1 vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) với mục đích sử dụng là đáo hạn Ngân hàng. Thời hạn vay là 03 ngày kể từ ngày 23/01/2024 đến

ngày 26/01/2024 có lập biên nhận. Sau đó, bà P1 có liên hệ Ngân hàng đáo hạn nhưng không vay lại được nên bà P1 có lấy bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02416 có diện tích 17199m², thửa đất số 1575, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/10/2015 cho bà Bùi Thị P1 đang thế chấp từ Ngân hàng ra và thế chấp cho bà P. Hai bên có thỏa thuận khi nào bà P1 trả đủ toàn bộ số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho P thì bà P sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà P1.

Tuy nhiên, khi đến thời hạn thanh toán nhưng bà P1 không trả lại toàn bộ số tiền nêu trên cho bà P, mặc dù bà P đã nhiều lần nhắc nhở.

Nay, yêu cầu bà Bùi Thị P1 trả cho bà P số tiền vay còn nợ 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 23/01/2024 cho đến khi xét xử. Thống nhất việc bà P1 đã đóng lãi cho bà P tổng số tiền 36.000.000 đồng. Nay đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi cho bà P1. Đồng ý xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là, biên nhận (bản photo có xác nhận đối chiếu bản chính); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH02416, thửa đất số 1575, tờ bản đồ số 2 diện tích 17199m² do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 07/10/2015 cho bà Bùi Thị P1 (bản photo có xác nhận đối chiếu bản chính).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị P1 trình bày, do bà P1 thiếu tiền đáo hạn Ngân hàng nên vào ngày 23/01/2024 bà P1 có hỏi vay của bà P số tiền 1.000.000.000 đồng, có lập biên nhận, biên nhận do bà P1 viết, hẹn thời hạn trả là 03 ngày kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 2.000đồng/1.000.000 đồng/ngày thỏa thuận miệng. Đến hạn bà P1 không trả được vì Ngân hàng không cho bà P1 vay lại, khi bà P1 không vay được Ngân hàng bà P1 đã đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P để làm tin, bà P1 đóng lãi cho bà P được tổng cộng 36.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay. Bà P1 xác định còn nợ bà P tiền gốc 1.000.000.000 đồng, bà P1 đồng ý trả cho bà P mỗi năm 100.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và đồng ý khấu trừ tiền lãi đã đóng cho bà P. Đồng ý xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02416 có diện tích là 17199m², thửa đất số 1575, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/10/2015 cho bà Bùi Thị P1.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc P.

Buộc bà Bùi Thị P1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền vay tổng cộng là 1.013.167.000 đồng (một tỷ, không trăm mười ba triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Trong đó: gốc 1.000.000.000 đồng (một tỷ

đồng), lãi: 13.167.000 đồng (mười ba triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Ngọc P và bà Bùi Thị P1 tại “biên nhận ngày 23/01/2024” vô hiệu.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc P có nghĩa vụ trả lại cho bà Bùi Thị P1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02416 có diện tích là 17199m², thửa đất số 1575, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/10/2015 cho bà Bùi Thị P1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 31/7/2024, bà Bùi Thị P1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số: 84/2024/DS-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P thống nhất với quyết định của Bản án sơ thẩm, yêu cầu bà Bùi Thị P1 trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bà P đồng ý trả lại cho bà P1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02416 có diện tích là 17199m², thửa đất số 1575, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/10/2015 cho bà Bùi Thị P1.

+ Bị đơn bà Bùi Thị P1 giữ nguyên trình bày như ở cấp sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận cho bà được trả cho bà P mỗi năm 100.000.000 đồng và tiền lãi cho đến khi hết nợ. Đồng ý xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

+ Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị P1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 84/2024/DS-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bùi Thị P1 làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp **nhận** và xét xử theo thủ tục phúc thẩm, theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị P1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất ngày 23/01/2024, bà P có cho bà P1 vay 1.000.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là 03 ngày kể từ ngày 23/01/2024 và có lập biên nhận do bà P1 viết. Các bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định các bên có tham gia hợp đồng vay tài sản là có thật.

[2.2] Bà P1 vay tiền nhưng không trả tiền gốc và tiền lãi cho bên vay khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Toà án cấp sơ thẩm đã buộc bà P1 có trách nhiệm trả tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, khấu trừ 36.000.000 đồng tiền lãi đã trả là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Bị đơn bà P1 đồng ý trả cho bà P tiền gốc và lãi theo nội dung quyết định của án sơ thẩm nhưng xin được trả cho bà P mỗi năm 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bà P không chấp nhận theo yêu cầu của bà P1 nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận. Việc thanh toán cụ thể, ra sao sẽ do Cơ quan Thi hành án xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

[2.4] Bà P1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên bà P1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị P1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Căn cứ các Điều 280, 298, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 147, 217, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 35, 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc P.

Buộc bà Bùi Thị P1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền vay tổng cộng là 1.013.167.000 (một tỷ, không trăm mười ba triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng. Trong đó: gốc 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, lãi: 13.167.000 (mười ba triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Ngọc P và bà Bùi Thị P1 tại “biên nhận ngày 23/01/2024” vô hiệu.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc P có nghĩa vụ trả lại cho bà Bùi Thị P1 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02416 có diện tích là 17199m², thửa đất số 1575, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/10/2015 cho bà Bùi Thị P1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.695.010 (bốn mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm mười) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị P1 phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Tp - HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- CCTHADS huyện Chợ Mới;
- Phòng KTNV&THA tỉnh AG
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hiệp Phong

Nơi nhận:

- **TAND cấp cao;**
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND
TX.Tĩnh Biên;
- Chi cục THA-DS TX.Tĩnh
Biên;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hiệp Phong